

1.DB:

1.1. Cấu hình hệ thống:

MOS.HIS_SERVICE_REQ.DO_NOT_ALLOW_EDIT_OUT_PRESCRIPTION.PRERIOD_BY_SECOND

Cấu hình khoảng thời gian (tính theo giây). Nếu cấu hình có giá trị thì sau khoảng thời gian này không cho phép sửa/xóa đơn thuốc mua ngoài, tính từ thời gian tạo y lệnh.

1.2. HIS_SERVICE_REQ:

Bổ sung thêm trường IS_ALLOW_EDIT_OUT_PRES NUMBER(2,0): Cho phép sửa đơn thuốc mua ngoài

1.3. Bổ sung trigger DB để không cho sửa trạng thái đã xóa của dịch vụ

Bổ sung trigger **HIS_SERE_SERV_8**

- Mỗi lần cập nhật dữ liệu dịch vụ (HIS_SERE_SERV)
- Xử lý: Nếu dữ liệu cũ của dịch vụ có trạng thái là đã xóa (:old.IS_DELETE = 1) và trạng thái cập nhật khác 1(:new.IS_DELETE null hoặc khác 1) thì gán lại trạng thái xóa mới là 1(:new.IS_DELETE = 1)

1.4. LIS_SAMPLE

- Bổ sung thêm trường **TREATMENT_TYPE_ID** - NUMBER(19,0): Dien dieu tri

1.5. bảng V_HIS_SESE_PTTT_METHOD

- Lấy dữ liệu từ bảng **HIS_SESE_PTTT_METHOD**
- **LEFT JOIN HIS_PTTT_METHOD ON ID = PTTT_METHOD_ID** trong **HIS_SESE_PTTT_METHOD => lấy ra PTTT_METHOD_CODE, PTTT_METHOD_NAME**

1.6. Mô tả cho key cấu hình hệ thống

“HIS.Desktop.Plugins.ContentSubclinical.ShowResultWhenReqComplete”

- 1: Chỉ xem kết quả CLS khi y lệnh hoàn thành
- 2: Dịch vụ xét nghiệm chỉ được xem kết quả khi y lệnh hoàn thành. Còn các dịch vụ khác luôn xem được kết quả.
- Khác: Luôn xem được kết quả

2.BACKEND:

2.1.Tạo api “Cho phép sửa đơn thuốc mua ngoài” (HisServiceReq/AllowEditOutPres)

- Input:

- ServiceReqId
- Validate:
 - Nếu tài khoản đăng nhập không phải ADMIN (HIS_EMPLOYEE tương ứng với loginname của người dùng đăng nhập có IS_ADMIN ≠ 1) thì thông báo: **“Bạn không phải quản trị hệ thống”**
- Xử lý:
 - Cập nhật IS_ALLOW_EDIT_OUT_PRES (HIS_SERVICE_REQ) = 1

2.2. Tạo api “Không cho phép sửa đơn thuốc mua ngoài” (HisServiceReq/DoNotAllowEditOutPres):

- Input:
 - ServiceReqId
- Validate:
 - Nếu tài khoản đăng nhập không phải ADMIN (HIS_EMPLOYEE tương ứng với loginname của người dùng đăng nhập có IS_ADMIN ≠ 1) thì thông báo: **“Bạn không phải quản trị hệ thống”**
- Xử lý:
 - Cập nhật IS_ALLOW_EDIT_OUT_PRES (HIS_SERVICE_REQ) = NULL

2.3. Sửa api “Sửa đơn thuốc” (HisServiceReq/OutPatientPresUpdate, HisServiceReq/InPatientPresUpdate)

- Bổ sung validate:
 - Nếu **MOS.HIS_SERVICE_REQ.DO_NOT_ALLOW_EDIT_PRESCRIPTION.PRE RIOD_BY_SECOND** có giá trị >0 (Gọi là **X**) và y lệnh không được đánh dấu cho phép sửa IS_ALLOW_EDIT_OUT_PRES - HIS_SERVICE_REQ **khác** 1 thì kiểm tra nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện dưới đây thì chặn và thông báo: “Đơn thuốc đã được tạo lúc **A**, quá thời gian cho phép sửa/xóa. Vui lòng liên hệ ADMIN để được hỗ trợ.”:
 - Y lệnh có Loại là “Đơn phòng khám”, “Đơn tử trực” hoặc “Đơn điều trị” (HIS_SERVICE_REQ có SERVICE_REQ_TYPE_ID = 6 hoặc 14,15) và chi tiết y lệnh có thuốc kê ngoài kho (HIS_SERVICE_REQ_METY/HIS_SERVICE_REQ_MATY tồn tại bản ghi có SERVICE_REQ_ID = ID của y lệnh đang xử lý)
 - Thời gian hiện tại (tính theo giờ server) - Thời gian tạo y lệnh (CREATE_TIME) > X (tính theo giây)
 - Trong đó **A** là thời gian tạo y lệnh CREATE_TIME, hiển thị theo định dạng dd/mm/yyyy hh:mm:ss

2.4. Sửa api “Xóa y lệnh” (HisServiceReq/Delete):

- Bổ sung validate:
 - Nếu X có giá trị >0 và y lệnh không được đánh dấu cho phép sửa IS_ALLOW_EDIT_OUT_PRES - HIS_SERVICE_REQ **khác** 1 thì kiểm tra nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện dưới đây thì chặn và thông báo: “Đơn thuốc đã được tạo lúc **A**, quá thời gian cho phép sửa/xóa. Vui lòng liên hệ ADMIN để được hỗ trợ.”:

- Y lệnh có Loại là “Đơn phòng khám”, “Đơn tử trực” hoặc “Đơn điều trị” (HIS_SERVICE_REQ có SERVICE_REQ_TYPE_ID = 6 hoặc 14,15) và chi tiết y lệnh có thuốc kê ngoài kho (HIS_SERVICE_REQ_METY/HIS_SERVICE_REQ_MATY tồn tại bản ghi có SERVICE_REQ_ID = ID của y lệnh đang xử lý)
 - Thời gian hiện tại (tính theo giờ server) - Thời gian tạo y lệnh (CREATE_TIME) > X (tính theo giây)
 - Trong đó **A** là thời gian tạo y lệnh CREATE_TIME, hiển thị theo định dạng dd/mm/yyyy hh:mm:ss
- Trường hợp xóa y lệnh mà không có y lệnh khác có cùng thông tin chẩn đoán thì sẽ thực hiện xóa chẩn đoán đó ra khỏi hồ sơ.
 - Đảm bảo sau khi xóa sẽ xóa hết các ký tự chấm phẩy(;) có trong mã và tên chẩn đoán
- **Sau khi xóa y lệnh thành công thì : Tạo yêu cầu thanh toán chi tiết dịch vụ,** bằng cách gọi vào hàm dùng chung **HisTransReqCreateByService**, truyền vào:
 - **Treatment:** HIS_TREATMENT đang xử lý
 - **ServiceReqs:** Không truyền vào dữ liệu này
 - Cách xử lý của hàm **HisTransReqCreateByService** xem tại https://docs.google.com/document/d/1OFsvXjQ2izKrl7RBqcN_9wkJWVF_7n2pjMgwo07h2fE/edit#heading=h.l8npfsioy24w

2.5. Api Gửi lại y lệnh sang hệ thống tích hợp HisServiceReq/RequestOrder:

- Cho phép gửi các y lệnh có loại:
 - Xét nghiệm: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__XN
 - Chẩn đoán hình ảnh: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__CDHA
 - Thăm dò chức năng: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__TDCN
 - Siêu âm: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__SA
 - Nội soi: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__NS
 - Giải phẫu bệnh lý: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__GPBL
 - Thủ thuật: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__TT
 - Phẫu thuật: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__PT
 - Phục hồi chức năng: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__PHCN
 - Khác: IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__KHAC

2.6. Api chuyển đơn điều trị thành đơn tạm ("api/HisServiceReq/UpdateToTemporaryPres")

- Input: **HIS_SERVICE_REQ**
- Output: **HIS_SERVICE_REQ**
- Kiểm tra Nếu không thỏa mãn 1 trong các điều kiện sau thì dừng xử lý và trả về thông báo tương ứng:

- Hồ sơ điều trị đã kết thúc điều trị (IS_PAUSE trong HIS_TREATMENT = 1 và ID = TREATMENT_ID trong HIS_SERVICE_REQ) → thông báo “Hồ sơ đã kết thúc điều trị”
- Tài khoản đăng nhập không phải là admin hoặc Tài khoản đăng nhập không phải là người yêu cầu (tài khoản đăng nhập <> REQUEST_LOGINNAME trong HIS_SERVICE_REQ) → thông báo “Tài khoản đăng nhập không phải là admin hoặc không phải là người chỉ định/kê đơn”
- Y lệnh không phải đơn điều trị (SERVICE_REQ_TYPE_ID trong HIS_SERVICE_REQ <> IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__DONDT) → thông báo “Y lệnh không phải đơn điều trị”
- Hồ sơ bệnh án đã đóng (STORE_TIME trong EMR_TREATMENT > 0 và TREATMENT_CODE = TDL_TREATMENT_CODE trong HIS_SERVICE_REQ) → thông báo “Hồ sơ bệnh án đã đóng”
 - Gọi vào api EMR.URI.EmrTreatment.GET ("api/EmrTreatment/Get") với Filter EMR.Filter.EmrTreatmentFilter có TREATMENT_CODE__EXACT = TDL_TREATMENT_CODE trong HIS_SERVICE_REQ
 - Lấy giá trị đầu tiên sau khi gọi api để có được EMR_TREATMENT
 - Kiểm tra nếu STORE_TIME trong EMR_TREATMENT vừa lấy được > 0 thì hiển thị thông báo “Hồ sơ bệnh án đã đóng”
- Xử lý: Cập nhập các trường sau trong **HIS_SERVICE_REQ** có ID = ID trong **HIS_SERVICE_REQ**:
 - **IS_TEMPORARY_PRES = 1;**
 - **TRACKING_ID = null;**
 - Ghi nhật ký tác động. Với nội dung: “Chuyển đơn điều trị thành đơn tạm. TREATMENT_CODE: XXXX. SERVICE_REQ_CODE: YYYYYY”. Với XXXX là mã điều trị, YYYYYY là mã y lệnh tương ứng
 - Trả về là bản ghi **HIS_SERVICE_REQ** sau khi cập nhật

2.7. Api xóa y lệnh

- Api: **HisServiceReq/delete**
- Input: **HisServiceReqSDO**
- Output: **bool**
- Xử lý
 - Sau khi xóa y lệnh nếu y lệnh có thông tin lịch báo ăn(RATION_SCHEDULE_ID khác null)
 - Nếu y lệnh có ngày y lệnh (INTRUCTION_DATE) khác với ngày chỉ định cuối(LAST_ASSIGN_DATE) thì bỏ qua.
 - Nếu y lệnh có ngày y lệnh(INTRUCTION_DATE) bằng với ngày chỉ định cuối(LAST_ASSIGN_DATE) tiếp tục.
 - Xử lý cập nhật ngày chỉ định cuối(LAST_ASSIGN_DATE) bằng ngày chỉ định lớn nhất của y lệnh chưa bị xóa có cùng thông tin lịch báo ăn (max INTRUCTION_DATE của HIS_SERVICE_REQ chưa bị xóa có RATION_SCHEDULE_ID bằng nhau)

2.8. Api gửi lại y lệnh sang hệ thống tích hợp “api/HisTestServiceReq/RequestOrder”

- **ServiceReqSDO**
 - Bổ sung thêm trường **TreatmentTypeId**
- Lấy dữ liệu từ **TDL_TREATMENT_TYPE_ID** trong **HIS_TREATMENT** để truyền vào **TreatmentTypeId** trong **ServiceReqSDO**
- Khi tạo dữ liệu lưu vào **LIS_SAMPLE** thì lưu thêm trường **TREATMENT_TYPE_ID = TreatmentTypeId** trong **ServiceReqSDO**

2.9. Bổ sung api để lấy ra dữ liệu **V_HIS_SESE_PTTT_METHOD**

3.FRONT-END:

3.1.Grid danh sách y lệnh

3.1.1. Cho phép copy nội dung của hồ sơ khi chọn các thông tin.

- Chỉ cho phép copy nội dung của các ô sau khi click chuột lần thứ 2 trở đi
- Các cột hỗ trợ copy:
 - Mã y lệnh (**SERVICE_REQ_CODE**)
 - Mã điều trị (**TDL_TREATMENT_CODE**)
 - Mã bệnh nhân (**TDL_PATIENT_CODE**)
 - Tên bệnh nhân (**TDL_PATIENT_NAME**)

3.1.2. In phiếu chỉ định dịch vụ

- Hiện thị đúng lịch sử in kể cả đối với các phiếu in tách.

3.1.3. Menu "Cho phép không thực hiện":

- Menu này chỉ hiển thị nếu thỏa mãn các điều kiện:

+ Phòng chỉ định là phòng mà người dùng đang làm việc

+ Phòng người dùng đang làm việc khác buồng bệnh

+ Dịch vụ chưa bị check "không thực hiện" (**his_sere_serv** có **IS_NO_EXECUTE** khác 1)

+ Dịch vụ chưa được check "cho phép không thực hiện" (**his_sere_serv** có **IS_ACCEPTING_NO_EXECUTE** khác 1)

+ Y lệnh đang ở trạng thái yêu cầu (**SERVICE_REQ_STT_ID = 1**)

- Khi click vào nút này thì gọi lên api để cập nhật trạng thái "Cho phép không thực hiện" (cập nhật **his_sere_serv** có **IS_ACCEPTING_NO_EXECUTE = 1**)

3.1.4. Menu "Hủy cho phép không thực hiện" vào menu chuột phải khi click vào dịch vụ:

- Menu này chỉ hiển thị nếu thỏa mãn các điều kiện:

- + Phòng chỉ định là phòng mà người dùng đang làm việc
- + Phòng người dùng đang làm việc khác buồng bệnh
- + Dịch vụ chưa bị check "không thực hiện" (his_sere_serv có IS_NO_EXECUTE khác 1)
- + Dịch vụ chưa được check "cho phép không thực hiện" (his_sere_serv có IS_ACCEPTING_NO_EXECUTE = 1)

- Khi click vào nút này thì gọi lên api để cập nhật trạng thái "Cho phép không thực hiện"

3.1.5. Không cho phép phép Xóa, Sửa, In các chỉ định tương ứng với dịch vụ "Mượn thẻ"

Với các chỉ định có thông tin "mượn thẻ" (HIS_SERVICE_REQ có CARER_CARD_BORROW_ID khác null) thì:

- Disable nút "Xóa", "Sửa", "In"
- Bổ sung tooltip "Chỉ định dịch vụ mượn thẻ chỉ cho phép sửa/xóa thông qua chức năng "Quản lý mượn thẻ"

3.1.6. Xử lý khi In phiếu hẹn khám (Chọn nút In → In phiếu hẹn khám):

- Truyền các thông tin sau vào Mps000010ADO:
 - APPOINTMENT_EXAM_ROOM_IDS: ID phòng hẹn khám = APPOINTMENT_EXAM_ROOM_ID (HIS_SERVICE_REQ)
 - APPOINTMENT_EXAM_ROOM_NAMES: Tên phòng hẹn khám (EXECUTE_ROOM_NAME của HIS_EXECUTE_ROOM có ROOM_ID = APPOINTMENT_EXAM_ROOM_ID (HIS_SERVICE_REQ))
 - APPOINTMENT_EXAM_ROOM_CODE_NAMES: Mã phòng hẹn khám - Tên phòng hẹn khám
 - APPOINTMENT_SERVICE_CODES: Lấy theo mã dịch vụ hẹn khám (SERVICE_CODE trong HIS_SERVICE có ID = APPOINTMENT_EXAM_SERVICE_ID)
 - APPOINTMENT_SERVICE_NAMES: Lấy theo tên dịch vụ hẹn khám (SERVICE_NAME trong HIS_SERVICE có ID = APPOINTMENT_EXAM_SERVICE_ID)

3.1.7. Sửa menu chuột phải "Cho phép không thực hiện":

- Hiện tại chỉ hiển thị khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện:
 - Phòng chỉ định là phòng mà người dùng đang làm việc.
 - Phòng người dùng đang làm việc khác buồng bệnh.
 - Y lệnh đang ở trạng thái yêu cầu, đang xử lý, hoàn thành (SERVICE_REQ_STT_ID = 1,2,3).
- Sửa lại: Cho phép hiển thị khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện:
 - Phòng chỉ định là phòng mà người dùng đang làm việc.
 - Phòng người dùng đang làm việc khác buồng bệnh.

- Y lệnh đang ở trạng thái yêu cầu (SERVICE_REQ_STT_ID = 1).

3.1.8. Hiện thị trạng thái lấy mẫu và duyệt mẫu

- Trường hợp y lệnh đang hiển thị icon màu **xanh lá cây** với tooltip chú thích là “**Đã lấy mẫu**” trong khi thỏa mãn các điều kiện
 - Y lệnh có loại là xét nghiệm (SERVICE_REQ_TYPE_ID = 2 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__XN)
 - Trạng thái chưa xử lý (SERVICE_REQ_STT_ID = 1 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__CXL)
 - Có thời gian lấy mẫu (SAMPLE_TIME khác null)
- Trường hợp y lệnh đang hiển thị icon màu **cam** với tooltip chú thích là “**Đã nhận mẫu**” trong khi thỏa mãn các điều kiện
 - Y lệnh có loại là xét nghiệm (SERVICE_REQ_TYPE_ID = 2 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__XN)
 - Trạng thái **đang xử lý** (SERVICE_REQ_STT_ID = 2 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__DXL)
 - Có thời gian **chấp nhận mẫu** (RECEIVE_SAMPLE_TIME khác null)

3.2. “In Phiếu hướng dẫn bệnh nhân thực hiện CLS” (Mps000276)

- Thêm trường SAMPLE_ROOM_CODE, SAMPLE_ROOM_NAME vào trong **ServiceReqADO**
 - Dữ liệu lấy từ trường SAMPLE_ROOM_CODE, SAMPLE_ROOM_NAME trong HIS_SAMPLE_ROOM (lấy từ RAM) có ID = SAMPLE_ROOM_ID trong HIS_SERVICE_REQ
- Để khi in “In Phiếu hướng dẫn bệnh nhân thực hiện CLS” (Mps000276) sẽ hiển thị được thông tin phòng thực hiện lấy mẫu bệnh phẩm thông qua key
<#SereServs.SampleRoomCode;>, <#SereServs.SampleRoomName;>

3.3. In phiếu yêu cầu khám:

- Nếu hồ sơ điều trị có sử dụng thẻ KCB thông minh (HIS_TREATMENT có HAS_CARD = 1) thì xử lý truyền sang MPS000001 danh sách HIS_CARD thỏa mãn đồng thời các điều kiện:
 - IS_ACTICE = 1
 - PATIENT_ID = ID bệnh nhân đang xử lý

3.4. Nút Xóa y lệnh:

- Nút Xóa enable khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện:
 - Tài khoản đăng nhập là người tạo
 - Tài khoản đăng nhập là người chỉ định
 - Tài khoản là admin
 - Loại y lệnh là khám (serReqTypeId == IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__KH) và Khoa làm việc = Khoa chỉ định (REQUEST_DEPARTMENT_ID - HIS_SERVICE_REQ) và:

- Phòng làm việc = phòng chỉ định (REQUEST_ROOM_ID - HIS_SERVICE_REQ)
- **hoặc** (Phòng làm việc = phòng xử lý (EXECUTE_ROOM_ID - HIS_SERVICE_REQ)

3.5. Nút “Chuyển thành đơn tạm” ở menu chuột phải

- Danh sách y lệnh;
 - Hiển thị màu da cam với các y lệnh được đánh dấu là đơn tạm (**IS_TEMPORARY_PRES** trong **HIS_SERVICE_REQ = 1**) và có hiển thị tooltip “Là đơn tạm”. Các y lệnh khác vẫn hiển thị màu đen
- Bổ sung “Chuyển thành đơn tạm” vào menu chuột phải danh sách y lệnh
 - **Không hiển thị nút “Chuyển thành đơn tạm” khi thỏa mãn 1 trong các điều kiện sau:**
 - Hồ sơ điều trị đã kết thúc điều trị (IS_PAUSE trong HIS_TREATMENT = 1)
 - Tài khoản đăng nhập không phải là admin (dùng hàm HIS.Desktop.IsAdmin.CheckLoginAdmin.IsAdmin(tài khoản đăng nhập) để kiểm tra) hoặc Tài khoản đăng nhập không phải là người yêu cầu (tài khoản đăng nhập <> REQUEST_LOGINNAME trong HIS_SERVICE_REQ)
 - Y lệnh không phải đơn điều trị (SERVICE_REQ_TYPE_ID trong HIS_SERVICE_REQ <> IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__DONDT)
 - Hồ sơ bệnh án đã đóng (STORE_TIME trong EMR_TREATMENT > 0 và TREATMENT_CODE = TDL_TREATMENT_CODE trong HIS_SERVICE_REQ)
 - Khi ấn vào thì sẽ kiểm tra y lệnh có được gắn với tờ điều trị không
 - Nếu không (**TRACKING_ID** trong **HIS_SERVICE_REQ = null**) thì gọi vào api chuyển đơn điều trị thành đơn tạm ("**api/HisServiceReq/UpdateToTemporaryPres**")
 - Nếu có (**TRACKING_ID** trong **HIS_SERVICE_REQ <> null**) thì
 - Kiểm tra xem tờ điều trị có tồn tại văn bản ký không (Lấy ra V_EMR_DOCUMENT có HIS_CODE = "Mps000062 TREATMENT_CODE:XXX HIS_TRACKING:YYY") trong đó XXX = TDL_TREATMENT_CODE trong HIS_SERVICE_REQ; YYY = TRACKING_ID trong HIS_SERVICE_REQ
 - Nếu có tồn tại văn bản ký (V_EMR_DOCUMENT có dữ liệu) thì đưa ra cảnh báo “Y lệnh XXX đã được gắn tờ điều trị và tờ điều trị đã được ký. Bạn có muốn bỏ gắn tờ điều trị và hủy văn bản ký của tờ điều trị không?” trong đó XXX là mã y lệnh
 - Nếu ấn “Có” thì
 - Gọi vào api chuyển đơn điều trị thành đơn tạm ("**api/HisServiceReq/UpdateToTemporaryPres**")

- Gọi vào api
"api/EmrDocument/DeleteList" truyền
vào danh sách ID trong
V_EMR_DOCUMENT để xóa văn bản
ký
- Nếu ấn “Không” thì đừng không chuyển đơn
điều trị thành đơn tạm
- Nếu không tồn tại văn bản ký (V_EMR_DOCUMENT
không có dữ liệu) thì đưa ra cảnh báo “Y lệnh XXX đã
được gắn tờ điều trị. Bạn có muốn bỏ gắn tờ điều trị
không?” trong đó XXX là mã y lệnh
 - Nếu ấn “Có” thì gọi vào api chuyển đơn điều trị
thành đơn tạm
("api/HisServiceReq/UpdateToTemporaryPre
s")
 - Nếu ấn “Không” thì đừng không chuyển đơn
điều trị thành đơn tạm.

3.6. Thông tin y lệnh

- Bổ sung thông tin người lấy mẫu và người nhận mẫu đối với y lệnh xét nghiệm
 - Lable chỉ xuất hiện đối với y lệnh xét nghiệm(SERVICE_REQ_TYPE_ID = 2 -
IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__XN)
 - Người lấy mẫu hiển thị thông tin theo dạng <SAMPLER_LOGINNAME> -
<SAMPLER_USERNAME>
 - Người nhận mẫu hiển thị thông tin theo dạng
<RECEIVE_SAMPLE_LOGINNAME> - <RECEIVE_SAMPLE_USERNAME>

3.7. Cột Loại PTTT:

- Nếu Loại y lệnh **khác** Khám, Giường, Suất ăn, Đơn phòng khám, Đơn điều trị, Đơn
tủ trực, Đơn máu thì thực hiện truy vấn dữ liệu
 - Lấy dữ liệu từ PTTT_GROUP_NAME (V_HIS_SERVICE) có ID =
SERVICE_ID (HIS_SERE_SERV)
 - **Lưu ý:** Lấy dữ liệu từ RAM để không ảnh hưởng đến hiệu năng

3.8. Bổ sung key số vào viện, buồng, giường vào phiếu chỉ định khám chuyên khoa (Mps000071)

Phiếu chỉ định khám chuyên khoa (Mps000071)

- Sửa thư viện in HIS.Desktop.Plugins.Library.PrintServiceReq
 - Lấy ra V_HIS_TREATMENT_BED_ROOM thỏa mãn đồng thời các điều kiện
sau
 - TREATMENT_ID = ID của (HIS_TREATMENT)
 - DEPARTMENT_ID = LAST_DEPARTMENT_ID (HIS_TREATMENT)
 - ADD_TIME lớn nhất nếu trùng thì lấy ID lớn nhất

- Truyền thêm thông tin HIS_TREATMENT và V_HIS_TREATMENT_BED_ROOM vào Phiếu chỉ định khám chuyên khoa (Mps000071)

3.9. Lấy được dữ liệu phương pháp thực tế khi chọn nhiều dữ liệu từ nút “Danh sách phương pháp thực tế”

- In phiếu yêu cầu phẫu thuật thủ thuật (Mps000033)
 - Truyền thêm vào dữ liệu
 - List<V_HIS_SESE_PTTT_METHOD> có TDL_SERE_SERV_ID = ID của HIS_SERE_SERV

3.10. Sửa menu "lấy mẫu bệnh phẩm":

- Sử dụng hệ thống LIS inventec (MOS.LIS.INTEGRATION_VERSION giá trị 1 và MOS.LIS.INTEGRATE_OPTION giá trị 1 hoặc MOS.LIS.INTEGRATION_VERSION giá trị 2 và MOS.LIS.INTEGRATION_TYPE giá trị 1) thì kiểm tra:
 - Nếu đã được gửi sang hệ thống tích hợp (IS_SENT_EXT =1 hoặc LIS_STT_ID có giá trị) thì sẽ gọi vào chức năng “Lấy mẫu bệnh phẩm” - LIS.Desktop.Plugins.SampleInfo của phân hệ LIS.
 - Ngược lại, chưa được gửi sang hệ thống tích hợp ((IS_SENT_EXT <> 1 hoặc LIS_STT_ID =null) thì hiển thị thông báo “Bệnh nhân đang nợ viện phí cần thực hiện thanh toán hoặc tạm ứng dịch vụ mới được lấy mẫu bệnh phẩm”
- Ngược lại, nếu không dùng hệ thống LIS inventec thì sẽ gọi vào chức năng “Lấy mẫu bệnh phẩm” phân hệ HIS - HIS.Desktop.Plugins.ServiceReqSampleInfo với tham số truyền vào là ID của y lệnh đang chọn.

3.11. Luôn hiển thị kết quả của các dịch vụ trừ dịch vụ xét nghiệm phải hoàn thành mới được hiển thị

- Không hiển thị nút xem kết quả trong các trường hợp sau:
 - EXE_SERVICE_MODULE_ID (HIS_SERVICE_REQ) = null
 - EXE_SERVICE_MODULE_ID (HIS_SERVICE_REQ) <> {IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_EXE_SERVICE_MODULE.ID__KHAM, IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_EXE_SERVICE_MODULE.ID__XN, IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_EXE_SERVICE_MODULE.ID__XULYXN, IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_EXE_SERVICE_MODULE.ID__PHCN, IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_EXE_SERVICE_MODULE.ID__XULYDV}
 - Key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.ContentSubclinical.ShowResultWhenReqComplete” = 1 và SERVICE_REQ_STT_ID (HIS_SERVICE_REQ) <> IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__HT
 - Key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.ContentSubclinical.ShowResultWhenReqComplete” = 2 và SERVICE_REQ_TYPE_ID (HIS_SERVICE_REQ) = IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__XN và SERVICE_REQ_STT_ID (DHisSereServ2) <> IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__HT)

3.12. In tem vật tư tái sử dụng

Bổ sung ở menu chuột phải nút “In tem vật tư tái sử dụng”

- Chỉ hiển thị khi y lệnh đang click là đơn phòng khám, đơn tử trực, đơn điều trị
(SERVICE_REQ_TYPE_ID (HIS_SERVICE_REQ) =
(IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__DONK,
IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__DONDT,
IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__DONTT))
- Khi Click vào thì xử lý
 - Lấy ra List<HIS_EXP_MEST_MATERIAL> có TDL_SERVICE_REQ_ID = ID của Y lệnh đang click (HIS_SERVICE_REQ), có SERIAL_NUMBER có dữ liệu và REMAIN_REUSE_COUNT có dữ liệu
 - Nếu List<HIS_EXP_MEST_MATERIAL> có dữ liệu
 - Lấy ra List<HIS_MATERIAL> có ID = MATERIAL_ID (List<HIS_EXP_MEST_MATERIAL>) => Gọi api 1 lần
 - Tạo List<SerialADO> có
 - NEXT_REUSABLE_NUMBER =
MAX_REUSE_COUNT(HIS_MATERIAL có ID =
MATERIAL_ID (HIS_EXP_MEST_MATERIAL)) -
REMAIN_REUSE_COUNT (HIS_EXP_MEST_MATERIAL) +
2
 - Nếu NEXT_REUSABLE_NUMBER <=
MAX_REUSE_COUNT(HIS_MATERIAL có ID =
MATERIAL_ID (HIS_EXP_MEST_MATERIAL)) thì tiếp tục xử lý. Không thì bỏ qua, duyệt dữ liệu khác.
 - SERIAL_NUMBER = trường SERIAL_NUMBER
(HIS_EXP_MEST_MATERIAL)
 - SIZE = MATERIAL_SIZE (HIS_MATERIAL có ID =
MATERIAL_ID (HIS_EXP_MEST_MATERIAL))
 - Nếu List<SerialADO> có dữ liệu thì gọi vào Mps000494 để in tem vật tư tái sử dụng
 - Truyền vào Mps000494 List<SerialADO>
 - Nếu List<HIS_EXP_MEST_MATERIAL> không có dữ liệu hoặc List<SerialADO> không có dữ liệu thì đưa ra thông báo “Không có vật tư tái sử dụng hoặc vật tư tái sử dụng đã hết số lần tái sử dụng.”

Danh sách y lệnh												Thông tin thêm															
Tg y lệnh: 01/03/2024				05/03/2024				Phòng xử lý:				T/nhắc				Loại:											
Mã y lệnh				Mã đầu trị				Mã bệnh nhân				Mã lưu trữ				Tự khóa tìm kiếm				Trc cũ				Tìm (Ctrl F)			
Stt				Mã y lệnh		Mã đầu trị		Mã bệnh nhân		Bệnh nhân		Loại		Phòng xử lý		Phòng chỉ định		Loại khám		Thời gian y lệnh		Ghi chú:					
																						Ngày sinh:					
																						Số thứ tự:					
																						Trang thái:					
																						Mã lượt CD:					
																						Mã ghi chú y:					
																						Barcode XN:					
																						Mã lượt CD:					
																						Mã phiếu lĩnh:					
																						Số tháng:					
																						Đơn mạng y:					
																						Mã phiếu Ttc:					